

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH

(03 THÁNG/06 THÁNG/09 THÁNG/CẢ NĂM)

Quý I năm 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13,079	2,698		
I	Nguồn ngân sách trong nước	13,079	2,698		
1	Chi quản lý hành chính	13,079	2,698		
	011 - Quốc phòng	4,256	987		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4,256	987		
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	1,233	165		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1,233	165		
	341 - Quản lý nhà nước	6,417	1,254		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3,462	735		
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2,955	519		
	362 - Hỗ trợ các tổ chức xã hội	1,173	292		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1,173	292		
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 07 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Võ Minh Hoàng



**THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2026
CỦA VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ MỸ HÒA HƯNG**

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Văn phòng HĐND – UBND công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu của Văn phòng HĐND - UBND được giao thực hiện năm 2026: 0 đồng.
2. Dự toán thu phí, lệ phí của Văn phòng HĐND - UBND ước thực hiện đến hết quý 1 năm 2026: 0 đồng.
3. Ước thực hiện quý 2 năm 2026: 0 đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2026 là 13.078.955.800 đồng (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang) bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 3.461.664.224 đồng.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 2.779.291.576 đồng.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362): 1.173.000.000 đồng.
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 1.233.000.000 đồng.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 4.256.000.000 đồng.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 176.000.000 đồng.
2. Giải ngân quý 1 năm 2026 là 2.697.728.167 đồng đạt 23.58 % dự toán năm, bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 735.558.241 đồng đạt 21.24%.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 518.568.881 đồng đạt 18.89%.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362) : 291.818.070 đồng đạt 24.8% .
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 164.740.000 đồng đạt 13.3%.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 987.042.975 đồng đạt 23.19%.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 0 đồng.